TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Giúp
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông Trần Nguyễn Quan Qui
Ông Nguyễn Minh Chí

Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Từ Thị Mỹ N, sinh năm 1997; (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp T1, xã T2, huyện C, tỉnh Long An.
Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1994; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã T3, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn – chị Từ Thị Mỹ N cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Năm 2016, chị Từ Thị Mỹ N kết hôn với anh Nguyễn Ngọc T, thực hiện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã 3, huyện C, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2016 ngày 18-3-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại xã T3 cùng gia đình chồng thời gian đầu, sau đó về nhà cha mẹ chị N ở xã T2 sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ trong thời gian đầu, về sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường mâu thuẫn cãi vã về mọi mặt. Chị N cho rằng anh Tuấn không tôn trọng chị, tự quyết định mọi vấn đề. Đến Tết Nguyên đán năm 2017, sau khi vợ chồng cự cãi thì anh T bỏ về nhà cha mẹ ở xã T3 sinh sống đến nay. Trong thời gian vợ chồng không còn chung sống, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải

quyết cho chị ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị không có con chung, tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Ngọc T. Anh T không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị N và cũng không đến Tòa án. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Từ Thị Mỹ N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T, hiện anh T đang cư trú tại xã T3, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T kết hôn với chị Từ Thị Mỹ N, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T3, huyện C, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2016 ngày 18-3-2016, nên xác định hôn nhân giữa anh T và chị N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N cho rằng thời gian chung sống không dài nhưng chị N và anh T không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, thường bất đồng ý kiến và cãi vã. Chị N và anh T không còn chung sống từ tháng 02/2017 đến nay. Chị N không thể tiếp tục chung sống với anh T nên khởi kiện xin ly hôn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị N và không đến Tòa án. Thấy rằng cả chị N và anh T không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống vợ chồng. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giải quyết cho chị N ly hôn với anh T.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T không có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị N là người khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, nên chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56 Luật

Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Từ Thị Mỹ N về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về hôn nhân: Chị Từ Thị Mỹ N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về án phí: Chị Từ Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu số 0009876 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã T3, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Giúp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Nguyễn Quan Qui – Nguyễn Minh Chí	**Huỳnh Thị Giúp**